

MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP

BÀI 1: HỆ THỐNG TIN HỌC – GIAO DIỆN HỆ ĐIỀU HÀNH

Câu 1: Khi sử dụng thiết bị tin học mà cần cài đặt một chương trình thì thiết bị sẽ ưu tiên sử dụng kết nối loại nào?

- A. Không cần kết nối mạng
- B. Wifi
- C. 3G
- D. 4G

Câu 2: Tại sao cùng dung lượng bộ nhớ thì Android lại chạy chậm hơn iOS hay Windows Phone?

- A. Hệ điều hành Android có dung lượng lớn hơn.
- B. Hệ điều hành Android cần bộ nhớ nhiều hơn.
- C. Hệ điều hành Android chạy ngầm các ứng dụng
- D. Hệ điều hành Android cho phép nhiều ứng dụng chạy cùng lúc.

Câu 3: Trên một thiết bị chạy Android, để cài thêm chương trình mà tốc độ của thiết bị vẫn ổn định, ta cần thay đổi yếu tố nào?

- A. Tăng dung lượng bộ nhớ.
- B. Tăng dung lượng lưu trữ.
- C. Gỡ bỏ các ứng dụng cần thiết.
- D. Không cài đặt các ứng dụng đòi hỏi dung lượng lớn.

Câu 4: Trong các hệ điều hành sau, hệ điều hành nào quản lý bộ nhớ kém nhất?

- A. Android
- B. Windows
- C. Linus
- D. iOS

Câu 5: Để cài đặt máy in, ta cần phải có gì?

- A. Install
- B. Mouse
- C. Driver
- D. Monitor

Câu 6: Hệ điều hành là gì ?

- A. Phần mềm ứng dụng.
- B. Phần mềm quản lý.
- C. Phần mềm công cụ.
- D. Phần mềm tiện ích.

Câu 7: Thiết bị trung tâm của máy tính là gì?

- A. Đĩa cứng, SSD.
- B. Bộ xử lý trung tâm – Bộ nhớ.
- C. Các thiết bị ngoại vi.
- D. Màn hình.

Câu 8: Trên một thiết bị chạy Android, để cài thêm chương trình mà tốc độ của thiết bị vẫn ổn định, ta cần thay đổi yếu tố nào?

- A. Tăng dung lượng lưu trữ.
- B. Tăng dung lượng bộ nhớ.
- C. Gỡ bỏ các ứng dụng cần thiết.
- D. Không cài các ứng dụng đòi hỏi dung lượng lớn.

Câu 9: Các thông số 1280 x 1024, 1280 x 720, 1152 x 864 là những thông số dùng để thiết lập:

- A. Những bài toán nhân .
- B. Kích thước ảnh.
- C. Dung lượng tập tin.
- D. Độ phân giải màn hình (Screen Resolution).

Câu 10: Để cài đặt máy in ta cần phải có gì?

- A. Install.
- B. Monitor.
- C. Mouse.
- D. Driver

BÀI 2: QUẢN LÝ TRÊN WINDOWS

Câu 1: Tập tin nào sau đây là tập tin hình ảnh/ phim?

- A. *.exe, *. Sys **B. *.ipg, *.bmp** C. *.docx, *.txt D. *.mp4, *.flv

Câu 2: Tập tin nào sau đây là tập tin phim

- A. *.exe, *. Sys B. *.ipg, *.bmp C. *.docx, *.txt **D. *.avi, *.flv**

Câu 3: Để tạo một tập tin sử dụng lệnh:

- A. New** B. Open C. Rename D. Delete

Câu 4: Để xóa một thư mục sử dụng lệnh:

- A. New B. Cut **C. Delete** D. Rename

Câu 5: Khi dùng lệnh Rename trên tập tin thì việc gì sẽ xảy ra?

- A. Tập tin sẽ bị đổi tên.** C. Tập tin sẽ thay đổi nội dung.
B. Tập tin sẽ thay đổi ứng dụng của nó. D. Tập tin sẽ chuyển qua vị trí mới.

Câu 6: Khi nào lệnh Delete không thể thực hiện?

- A. Tập tin không tồn tại **C. Tập tin đang mở.**
B. Tập tin được đặt thuộc tính Read Only. D. Không thể xảy ra tình huống này.

Câu 7: Trong Windows, muốn xóa một tập tin hay thư mục, ta dùng lệnh:

- A. Delete** B. Edit C. View D. Cut

Câu 8: Lệnh Format trong Windows có nghĩa là:

- A. Sao chép toàn bộ ổ đĩa
B. Xóa tất cả các tập tin trên ổ đĩa chọn
C. Xóa tất cả các thư mục trên ổ đĩa chọn
D. Xóa tất cả tập tin trên ổ đĩa chọn và định dạng lại ổ đĩa

Câu 9: Trong Windows, để sao chép một tập tin đã chọn, ta dùng lệnh:

- A. Copy** B. Edit C. Paste D. Rename

Câu 10: Trong Windows, Taskbar dùng để:

- A. Chứa các chương trình không sử dụng. C. Chứa các folder đang mở.
B. Chứa các chương trình đang được mở. D. Chứa các cửa sổ đang mở.

Câu 11: Để cài đặt thêm máy in bạn chọn mục nào sau đây?

- A. Control Panel / Printers and Faxes / Add Printer.** C. Programs Files / Add Printer.
B. Run / Printer. D. Search / Printer.

Câu 12: Trong Windows, Taskbar dùng để làm gì?

- A. Chứa các Folder đang mở. **C. Chứa các chương trình đang được mở.**
B. Chứa các chương trình không sử dụng. D. Chứa các cửa sổ đang mở.

Câu 13: Các bộ gõ thường dùng để gõ tiếng Việt là:

- A. VNI, tự định nghĩa, Microsoft. C. Vietware X, VNI, Telex.
B. Telex, VNI. D. Telex, VIQR.

Câu 14: Để gõ được tiếng Việt trên máy tính thì cần có các nhóm Font chữ nào?

- A. VIQR, Vietware X, VNI Windows. C. Unicode C String, VNI Windows, Vietware X.
B. Unicode tổ hợp, ABC, VIQR. **D. Unicode, TCVN3 (ABC), VNI Windows.**

Câu 15: Cho biết cách xóa một tập tin hay thư mục mà không di chuyển vào Recycle Bin?

- A. Chọn thư mục hay tập tin cần xóa - Ctrl + Delete.
- B. Chọn thư mục hay tập tin cần xóa – Delete.
- C. Chọn thư mục hay tập tin cần xóa - Shift + Delete.
- D. Chọn thư mục hay tập tin cần xóa - Alt + Delete.

Câu 16: Tập tin nào sau đây là tập tin hình ảnh/phim?

- A. *.mp4, *.png.
- B. *.jpg, *.bmp.
- C. *.docx, *.txt.
- D. *.exe, *.sys.

Câu 17: Tập tin nào sau đây là tập tin phim?

- A. *.docx, *.doc.
- B. *.exe, *.com.
- C. *.avi, *.flv.
- D. *.jpg, *.png.

Câu 18: Trong các phần phân loại sau, nhóm nào cho biết đó là tập tin ảnh?

- A. *.mp3; *.avi.
- B. *.bmp; *.jpg.
- C. *.mp4; *.xls.
- D. *.gif; *.doc.

Câu 19: Trong Windows, để sao chép một tập tin đã chọn, ta dùng lệnh:

- A. Edit.
- B. Rename.
- C. Paste.
- D. Copy.

Câu 20: Tổ hợp phím nào sau đây dùng để bật bảng quản lý tác vụ - Windows Task Manager?

- A. Ctrl + Alt + Del + Shift.
- B. Ctrl + Alt + Shift.
- C. Ctrl + Shift + Del.
- D. Ctrl + Alt + Del.

Câu 21: Khi dùng lệnh Rename trên tập tin thì việc gì sẽ xảy ra?

- A. Tập tin sẽ thay đổi nội dung.
- B. Tập tin sẽ chuyển qua vị trí mới.
- C. Tập tin sẽ thay đổi ứng dụng của nó.
- D. Tập tin sẽ bị đổi tên.

Câu 22: Chương trình nào của Windows dùng để quản lý các tập tin và thư mục:

- A. Accessories.
- B. Control Panel.
- C. Microsoft Office.
- D. Windows Explorer.

Câu 23: Chức năng nào dùng để đóng và thoát một ứng dụng đang chạy trên Windows?

- A. Remove.
- B. Cut.
- C. Close.
- D. Exit.

Câu 24: Để đổi tên tập tin hoặc thư mục bạn sử dụng phím nào dưới đây?

- A. F3.
- B. F8.
- C. F2.
- D. F12.

Câu 25: Để xóa tập tin hoặc thư mục bạn sử dụng phím nào?

- A. Delete.
- B. Backspace.
- C. Pause Break.
- D. Remove Files or Folders.

BÀI 3: QUẢN LÝ THIẾT BỊ - AN TOÀN DỮ LIỆU

Câu 1: Để thay đổi cách nhận dạng ngày trong Windows, ta sẽ sử dụng mục chọn nào trong Control Panel hoặc Settings?

- A. **Date and Time**
- B. Default Programs
- C. Display
- D. Device Manager

Câu 2: Để kết nối các máy tính trong một hệ thống thành một mạng, người ta thường dùng:

- A. ADSL router
- B. Thiết bị nhận mạng 3G
- C. **Switch**
- D. Access point

Câu 3: Chọn phát biểu đúng?

- A. ADSL router là thiết bị phát tín hiệu Wifi.
- B. Access point là thiết bị nhận tín hiệu Wifi.
- C. **Access point là thiết bị phát tín hiệu Wifi.**
- D. ADSL router là thiết bị nhận tín hiệu Wifi.

Câu 4: Làm sao biết IP của máy ta đang sử dụng?

- A. **Dùng lệnh IPCONFIG ở chế độ command prompt.**
- B. Không thể biết.
- C. Dùng lệnh CMD ở chế độ Start/Run.
- D. Dùng lệnh IPCONFIG ở chế độ Start/Run.

Câu 5: Khi cần vào chế độ command prompt, cần nhập lệnh nào ở chế độ Run

- A. Command prompt
- B. **Cmd**
- C. IPCONFIG
- D. Exit

Câu 6: Cho biết cách hiệu chỉnh ngày tháng năm trên Hệ điều hành Windows?

- A. Vào Control panel – Region and Language.
- B. **Vào Control panel – Date and Time.**
- C. Vào Control panel – Fonts.
- D. Vào Control panel – Display.

Câu 7: Để cài đặt thêm Fonts chữ vào Control Panel bạn chọn:

- A. System.
- B. New Fonts.
- C. **Fonts.**
- D. Add New Fonts.

Câu 8: Để gỡ bỏ các chương trình đã cài đặt vào máy tính bạn chọn mục nào sau đây?

- A. Control Panel, Add New Hardware.
- B. Control Panel, Remove Programs.
- C. Setting, Add/Remove Programs.
- D. **Control Panel, Add/Remove Programs.**

Câu 9: Danh sách các mục chọn trong một chương trình gọi là:

- A. Menu pad.
- B. Menu status.
- C. **Menu bar.**
- D. Menu options.

Câu 10: Để thay đổi qui cách ngày của hệ thống ta vào Control Panel bạn chọn?

- A. System / Date and Time.
- B. Regional and Language Option/Customize/Date.
- C. **Regional and Language Option / Date.**
- D. Date and Time.

Câu 11: Làm thế nào để ngăn chặn người khác sử dụng máy tính của mình khi chưa được phép?

- A. **Thiết lập password cho hệ điều hành.**

B. Thiết lập password cho User đăng nhập sử dụng máy tính.

C. Ẩn các User đi.

D. Thiết lập password cho tất cả các User đăng nhập sử dụng trên hệ điều hành.

Câu 12: Để kết nối các máy tính trong hệ thống thành một mạng, người ta thường dùng?

A. Thiết bị nhận dạng 3G

C. Access point

B. Switch.

D. ADSL router.

Câu 13: Để thay đổi ngày giờ hệ thống vào Control Panel bạn chọn?

A. Date / Time.

B. Regional and Language Option / Customize / Date.

C. Date and Time.

D. Setting / Date and Time.

Câu 14: Để đảm bảo an toàn dữ liệu ta chọn cách nào?

A. Sử dụng chương trình quét virus.

C. Firewall (Bức tường lửa).

B. Sao lưu dự phòng.

D. Sử dụng User name - Password.

BÀI 4: SOẠN THẢO VĂN BẢN – CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

Câu 1: Để xóa khối và đưa nội dung của nó vào clipboard, ta có thể:

A. chọn 

C. chọn 

B. chọn 

D. chọn 

Câu 2: Để một đoạn văn bản được canh đều hai bên (sát biên trái và biên phải của đoạn), ta có thể chọn:

A. 

B. 

C. 

D. 

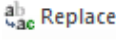
Câu 3: Đang soạn thảo bằng Word muốn thoát khỏi Word, ta có thể:

A. Dùng File/Close.

C. Chọn lệnh Exit từ hộp Control Box của cửa sổ Word.

B. Nhấn Alt + F4.

D. Dùng File/New.

Câu 4: Để tìm và thay thế một nhóm từ trong văn bản Word ta chọn nút  Replace trên Ribbon:

A. Home

B. Insert

C. View

D. Review

Câu 5: Để canh đều 2 bên cho phần văn bản được chọn, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây:

A. Ctrl + J

B. Ctrl + E

C. Ctrl + L

D. Ctrl + R

Câu 6: Trong Word, để mở một file, ta dùng tổ hợp phím:

A. Ctrl + O

B. Ctrl + S

C. Ctrl + N

D. Ctrl + P

Câu 7: Để đưa kí tự đầu dòng rơi xuống dạng chữ lớn, ta chọn nút lệnh:

A. Symbol

B. Drop Cap

C. Picture

D. Text Box

Câu 8: Trong Word, để tạo một trang văn bản mới, ta dùng:

A. Ctrl + N

B. Ctrl + O

C. Ctrl + S

D. Ctrl + F

Câu 9: Trong Word, để di chuyển con trỏ về đầu văn bản, ta dùng phím:

- A. Home B. Alt + Home C. Shift + Home D. Ctrl + Home

Câu 10: Trong Word, để lưu file với tên khác, ta dùng menu lệnh:

- A. File/ Save As B. File/ Save C. File/ Close D. File/ Exit

Câu 11: Các bộ mã dùng để gõ dấu tiếng Việt, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- A. Unicode, TCVN, VIQRỠ . C. Unicode, TCVN, Vni Window.
B. Unicode, X UTF-8, Vietware X . D. Unicode, TCVN, X UTF-8.

Câu 12: Trong Word, để bật hộp thoại Font, dùng tổ hợp phím:

- A. Ctrl+A. B. Ctrl+B. C. Ctrl+C. D. Ctrl+D.

Câu 13: Trong Word, để bật hộp thoại Font ta có thể vào Tab Home và chọn:

- A. Clipboard. B. Styles. C. Font. D. Paragraph.

Câu 14: Trong Word, để làm cho văn bản in đậm thì dùng phím:

- A. Ctrl+I. B. Ctrl+L. C. Ctrl+U. D. Ctrl+B.

Câu 15: Để tắt tính năng kiểm tra lỗi chính tả trong Word 2010 ta chọn?

- A. File – Options – Save - When correcting spelling and grammar in word.
B. File – Options – Advanced - chọn Typing replaces selected text.
C. File – Options – Proofing - bỏ chọn Check spelling as you type.
D. File – Options – Add-ins - When correcting spelling and grammar in word.

Câu 16: Trong Word, để phục hồi lại thao tác trước đó bạn dùng tổ hợp phím?

- A. Ctrl+S. B. Ctrl+H. C. Ctrl+Z. D. Ctrl+F.

Câu 17: Trong Word, để tạo liên kết đến một vị trí hoặc một file văn bản khác ta có thể dùng tổ hợp phím?

- A. Ctrl+L. B. Ctrl+J. C. Ctrl+K. D. Ctrl+I.

Câu 18: Để xóa khỏi và đưa nội dung của nó vào clipboard, ta có thể?

- A. Ctrl + V. C. Ctrl + C.
B. Ctrl + X. D. Ctrl + K.

Câu 19: Để sao chép một đoạn văn bản trong Word, ta có thể sử dụng tổ hợp phím:

- A. Ctrl + K / Ctrl + C. C. Ctrl + C / Ctrl + V.
B. Ctrl + X / Ctrl + V. D. Ctrl + V / Ctrl + C.

Câu 20: Tổ hợp phím nào sau đây di chuyển con trỏ về cuối văn bản dù ta đứng bất cứ nơi đâu trong văn bản?

- A. Ctrl + Break. C. Ctrl + Page Up.
B. Ctrl + Home. D. Ctrl + End.

Câu 21: Trong Word, để tìm kiếm một từ hoặc một cụm từ và thay thế bởi một từ hoặc một cụm từ khác bạn có thể dùng tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl+H. B. Ctrl+F. C. Ctrl+S. D. Ctrl+V.

Câu 22: Trong Word, để lưu file với tên khác, ta dùng menu lệnh:

- A. File/Save As. C. File/Close.
B. File/Exit. D. File/Save.

Câu 23: Trong Word, để tạo một trang văn bản mới, ta dùng:

- A. Ctrl+F. B. Ctrl+N. C. Ctrl+S. D. Ctrl+O.

Câu 24: Trong Word, để mở một file, ta dùng tổ hợp phím:

- A. **Ctrl+O.** B. Ctrl+S. C. Ctrl+N. D. Ctrl+P.

Câu 25: Để lấy lại nội dung vừa bị xóa thực hiện tổ hợp phím

- A. Ctrl + X. B. Ctrl + T. C. **Ctrl + Z.** D. Ctrl + B.

Câu 26: Để nhập văn bản dạng chỉ số dưới (như H₂O) bạn bấm tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + Alt + = B. Alt + Shift + = C. Ctrl + Shift + = D. **Ctrl + =**

Câu 27: Trong Word, để chọn tất cả văn bản (tô đen hết tất cả) bạn dùng tổ hợp phím:

- A. **Ctrl+A.** B. Ctrl+E. C. Ctrl+D. D. Ctrl+B.

Câu 28: Trong word, để di chuyển con trỏ về đầu văn bản, ta dùng phím:

- A. Shift+Home. C. Alt +Home.
B. Ctrl+Shift+Home. D. **Ctrl+Home.**

Câu 29: Để tìm và thay thế một nhóm từ trong văn bản Word ta chọn nút trên Tab:

- A. Review. B. View. C. Insert. D. **Home.**

Câu 30: Trong Word, để điều chỉnh khoảng cách với đoạn trên và khoảng cách với đoạn dưới của đoạn văn bản đang được đánh dấu khối bạn vào thanh Tab Home rồi chọn:

- A. Styles. B. Font. C. Editing. D. **Paragraph.**

Câu 31: Trong Word, để thụt đoạn văn bản sang phải, ta dùng tổ hợp phím?

- A. **Ctrl+M.** B. Ctrl+F. C. Ctrl+Z. D. Ctrl+H.

Câu 32: Trong Word, để bật hộp thoại Font ta có thể vào thanh Tab nào?

- A. Review. B. Page Layout. C. **Home.** D. View.

Câu 33: Trong Word, giả sử có nhiều trang văn bản, muốn nhảy đến một trang bất kỳ bạn dùng tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl+H. B. **Ctrl+G.** C. Ctrl+S. D. Ctrl+A.

Câu 34: Trong Word, để tìm kiếm một từ hoặc một cụm từ bạn có thể dùng tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl+S. B. Ctrl+H. C. **Ctrl+F.** D. Ctrl+V.

Câu 35: Trong Microsoft Word, ta có thể hiệu chỉnh đơn vị đo lường của thước sang những đơn vị nào sau đây:

- A. Centimeters và Points. C. Inches và Points.
B. Inches. D. **Inches, Points và Centimeters.**

Câu 36: Trong Word, để lưu đổi tên (lưu văn bản với tên khác) cho file văn bản đang mở ta dùng phím?

- A. F10. B. **F12.** C. F11. D. F9.

Câu 37: Đang soạn thảo văn bản bằng Word muốn thoát khỏi Word, ta có thể:

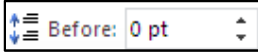
- A. dùng File / Close. C. **dùng File / Exit.**
B. nhấn Alt + F4. D. dùng File / New.

Câu 38: Trong Word, để làm gạch chân cho văn bản thì dùng tổ hợp phím:

- A. Ctrl+I. B. **Ctrl+U.** C. Ctrl+L. D. Ctrl+B.

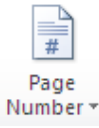
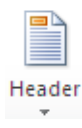
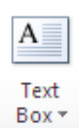
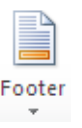
Câu 39: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. dẫn khoảng cách các đoạn. C. **dẫn khoảng cách các dòng trong đoạn.**
B. canh đều văn bản. D. tăng kích thước cho văn bản.

Câu 40: Trong Word chức năng  dùng để làm gì?

- A. tăng khoảng cách các dòng trong đoạn.
- B. tăng khoảng cách với đoạn phía dưới đoạn đang chọn.
- C. xóa đoạn.
- D. tăng khoảng cách với đoạn phía trên đoạn đang chọn.

Câu 41: Trong Word, để chèn một hộp cho phép viết văn bản vào ta dùng nút lệnh?

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 42: Trong Word, để tăng kích thước to cho văn bản được tô đen thì ta dùng nút lệnh:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 43: Trong Word, để làm cho văn bản in đậm thì dùng nút lệnh:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 44: Trong Word, để làm cho văn bản in *NGHIÊNG* thì dùng nút lệnh:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 45: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

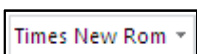
- A. Canh giữa cho văn bản.
- B. Canh phải cho văn bản.
- C. Canh trái cho văn bản.
- D. Canh đều văn bản.

Câu 46: Trong Word hộp lựa chọn  dùng để làm gì?

- A. chọn kích thước cho chữ.
- B. chọn kiểu gõ tương ứng.
- C. dán chữ.
- D. chọn font chữ.

Câu 47: Trong word, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Tạo chỉ số trên.
- B. Tạo chỉ số dưới.
- C. Giảm kích thước cho chữ.
- D. Tăng kích thước cho chữ.

Câu 48: Trong Word, hộp lựa chọn  dùng để làm gì?

- A. chọn font chữ.
- B. dán chữ.
- C. chọn kiểu gõ tương ứng.
- D. chọn size chữ.

BÀI 5: VĂN BẢN NHIỀU CỘT VÀ ĐỊNH TRANG IN

Câu 1: Chức năng Drop Cap dùng để:

- A. Làm chữ hoa cho toàn bộ đoạn văn bản

B. Làm chữ hoa từ đầu cho toàn bộ văn bản trong đoạn

C. Làm to kí tự đầu tiên của đoạn và chiếm n dòng

D. Làm tăng cỡ chữ văn bản trong đoạn

Câu 2: Để đánh số tự động cho các đoạn văn bản liên tiếp, ta có thể chọn:

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 3: Để viết chỉ số dưới (ví dụ: H₂O) ta chọn:

A. Ctrl + J

B. Ctrl +]

C. Ctrl + =

D. Ctrl + Shift + =

Câu 4: Để đóng khung một đoạn văn bản, ta dùng nút lệnh:

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 5: Muốn chèn một Bullet (dấu đầu dòng) vào văn bản đang soạn thảo, ta chọn:

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 6: Trong Word, muốn ra màn hình in, ta chọn:

A. Ctrl + I

B. Ctrl + L

C. Ctrl + P

D. Ctrl + Shift + L

Câu 7: Trong Word, nút lệnh nào sau đây cho ta chọn màu kí tự:

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 8: Sau khi định dạng một nhóm kí tự in đậm, nếu bôi đen các kí tự này, nhấp vào biểu tượng  Format Painter, rồi nhấp vào một nhóm kí tự khác trong văn bản thì điều gì xảy ra?

A. Nhóm kí tự sẽ in đậm

C. Toàn bộ đoạn chứa nhóm kí tự sau sẽ in đậm

B. Nhóm kí tự không in đậm nữa

D. Nhóm kí tự sẽ in đậm và nghiêng

Câu 9: Để tăng dần kích cỡ chữ cho một nhóm kí tự đang chọn, ta chọn tổ hợp phím nào sau đây?

A. Ctrl +]

C. Ctrl + =

B. Ctrl + [

D. Ctrl + Shift + =

Câu 10: Để soạn tiêu đề đầu cho trang văn bản, trên Ribbon Insert ta chọn:

A. Header

B. Footer

C. Page Number

D. Hyperlink

Câu 11: Trong Word, để in văn bản dùng tổ hợp phím?

A. Ctrl+P.

B. Ctrl+N.

C. Ctrl+I.

D. Ctrl+B.

Câu 12: Để chia cột bắt buộc (văn bản tại vị trí con trỏ sẽ qua cột kế tiếp) ta dùng:

A. Shift + Enter.

C. Ctrl+Enter.

B. Alt + Enter.

D. Ctrl+Shift+Enter.

Câu 13: Trong Word, để thay đổi độ rộng một số cột liên tiếp nhau đã chọn sao cho độ rộng vừa khít với nội dung, ta dùng:

A. Tab Page Layout, Columns, More Columns chọn Width.

B. Tab View, Width.

C. nhấp biên trái một ô và nhập đúng.

D. Tab Formulas.

Câu 14: Trong Word, chức năng chia cột văn bản nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout. B. Insert. C. Home. D. View.

Câu 15: Khi chia cột cho văn bản ta muốn ngắt văn bản sang trang mới ta có thể dùng tổ hợp phím:

- A. Ctrl + Enter. C. Ctrl + Shift + Enter.
B. Alt + Enter. D. Alt + Shift + Enter.

Câu 16: Với văn bản đang chọn, muốn in đậm, nghiêng và gạch chân, sau khi giữ phím Ctrl bạn sẽ nhấn bộ phím nào sau đây:

- A. X, Y và Z. B. A, B và C. C. U, I và B. D. B, I và E.

Câu 17: Trong Word, để tăng kích thước cho văn bản dùng tổ hợp phím:

- A. Alt + [B. Alt +] C. Ctrl + [D. Ctrl +]

Câu 18: Trong khi soạn thảo văn bản, nếu kết thúc 1 trang và muốn sang 1 trang mới, bạn chọn:

- A. Bấm tổ hợp phím Shift + Enter. C. Chức năng Page Break trên tab Page Layout.
B. Bấm phím Enter. D. Chức năng Page Break trên tab Insert.

Câu 19: Trong Word, để ngắt văn bản sang cột mới ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout / Breaks:

- A. Page. C. Text Wrapping.
B. Column. D. Next Page.

Câu 20: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Sao chép văn bản. C. Xóa văn bản.
B. Sao chép phần định dạng của văn bản. D. Sao chép văn bản xong xóa luôn văn bản..

Câu 21: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Tô màu cho hình. C. Highlight cho văn bản.
B. không làm gì cả. D. Tô màu chữ.

Câu 22: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Highlight cho văn bản. C. Tô màu chữ.
B. không làm gì cả. D. Tô màu cho hình.

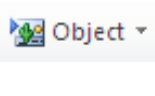
Câu 23: Trong Word, để thụt đầu dòng sang phải cho đoạn văn bản ta dùng tổ hợp phím?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 24: Trong Word, để thụt đầu dòng sang trái cho đoạn văn bản ta dùng tổ hợp phím?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 25: Trong Word để chèn biểu tượng (ký tự đặc biệt) ở chỗ bất kỳ ta dùng nút lệnh?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 26: Để đưa ký tự đầu dòng rơi xuống dạng chữ lớn, ta chọn nút lệnh  trong Tab:

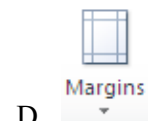
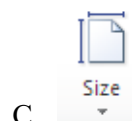
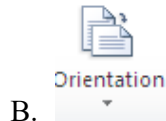
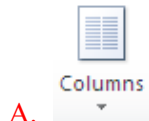
A. View

B. Insert

C. Page Layout

D. Home

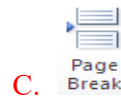
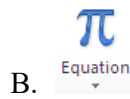
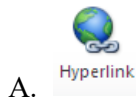
Câu 27: Trong Word, để chia cột cho văn bản ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout:



Câu 28: Để tô màu và đóng khung cho đoạn văn bản ta chọn công cụ:



Câu 29: Khi chia cột cho văn bản ta muốn ngắt văn bản sang trang mới ta có thể dùng lệnh:



Câu 30: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

A. Sắp xếp tăng dần.

B. Lọc dữ liệu.

C. Chia cột văn bản.

D. Sắp xếp giảm dần.

BÀI 6: VĂN BẢN DẠNG BẢNG

Câu 1: Để tạo một bảng mới, ta dùng lệnh:

A. Table trên Ribbon Insert.

B. Table trên Ribbon Home.

C. Table trên Ribbon Page Layout.

D. Table trên Ribbon View.

Câu 2: Để chia cột bắt buộc (văn bản tại vị trí con trỏ sẽ qua cột kế tiếp), ta dùng:

A. Ctrl + Enter

B. Ctrl + Shift + Enter

C. Alt + Enter

D. Alt + Shift + Enter

Câu 3: Chức năng Merge Cells dùng để:

A. chia nhóm ô đang chọn thành nhiều ô.

B. gộp nhóm ô đang chọn thành một ô.

C. kẻ khung các ô đang chọn

D. bỏ khung các ô đang chọn

Câu 4: Khi các ô được chọn có nội dung, chức năng Merge Cells sẽ:

A. trộn nội dung của nhóm ô và gộp thành 1 ô.

B. chỉ giữ nội dung ô cuối cùng và gộp thành 1 ô duy nhất.

C. xóa nội dung của nhóm ô chọn và gộp thành 1 ô.

D. chỉ giữ nội dung ô đầu tiên và gộp thành 1 ô duy nhất.

Câu 5: Khi con trỏ ở cuối cùng của bảng, nhấn phím Tab thì:

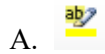
A. con trỏ nhảy về ô đầu tiên của bảng.

B. con trỏ đứng yên vì đã hết bảng.

C. con trỏ sẽ nhảy ra đoạn văn bản bên dưới.

D. sẽ cho bảng thêm một dòng mới.

Câu 6: Để đóng khung cho bảng, ta sử dụng:



Câu 7: Để chia một ô trong bảng thành nhiều ô, ta đánh dấu ô đó và dùng lệnh:

A. Merger Cell

B. Split Cells...

C. Insert Cells

D. Split Table

Câu 8: Trong Word, để xóa một hay nhiều hàng trong bảng, ta dùng lệnh:

A. Delete Rows

B. Delete Cells

C. Delete Columns

D. Delete Table

Câu 9: Trong Word, để gộp nhiều ô đã được đánh dấu khối (tô đen các ô) thành một ô trong Table ta bấm phải chuột và chọn?

A. Merge Cell.

B. Split Cells.

C. Delete Cell.

D. Insert Cell.

Câu 10: Chức năng Merge Cells dùng để:

A. gộp nhóm ô đang chọn thành một ô.

C. chia nhóm ô đang chọn thành nhiều ô.

B. bỏ khung các ô đang chọn.

D. kẻ khung các ô đang chọn.

Câu 11: Trong Word, để tách một ô thành nhiều ô trong Table ta bấm phải chuột và chọn?

A. Split Cells.

B. Delete Cell.

C. Insert Cell.

D. Merge Cell.

Câu 12: Trong Word, để xóa một hay nhiều hàng của bảng, ta dùng lệnh:

A. Delete Rows.

B. Delete Column.

C. Delete Cells.

D. Delete Table.

Câu 13: Để chia một ô trong bảng thành nhiều ô, ta đánh dấu ô đó và dùng lệnh:

A. Split Cells.

B. Merge Cells.

C. Split Table.

D. Insert Cells.

Câu 14: Khi soạn thảo văn bản dạng bảng, muốn di chuyển từ 1 ô này sang ô khác của một bảng Table, bạn chọn phím hay tổ hợp phím lệnh nào?

A. CapsLock.

B. ESC.

C. Tab.

D. Ctrl.

Câu 15: Trong Word, để xóa một hay nhiều hàng của bảng, ta dùng lệnh:

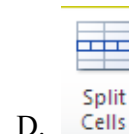
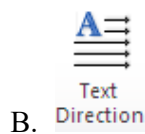
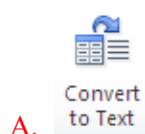
A. Delete Table.

B. Delete Column.

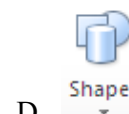
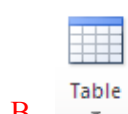
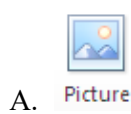
C. Delete Cells.

D. Delete Rows.

Câu 16: Trong Word, để chuyển bảng biểu sang dạng văn bản bạn sẽ dùng:



Câu 17: Trong Word, để chèn một bảng biểu bạn có thể dùng biểu tượng?



BÀI 7: VĂN BẢN DẠNG TAB

Câu 1: Trong một bảng, để sử dụng Tab, ta sẽ dùng:

A. Phím Tab

C. Tổ hợp phím Ctrl + Alt + Tab

B. Tổ hợp phím Alt + Tab

D. Tổ hợp phím Ctrl + Tab

Câu 2: Để đặt Tab vào văn bản đang soạn, ta có thể:

A. Nhấn vào biểu tượng 

B. Chọn biểu tượng 

C. Chọn biểu tượng 

D. Chọn biểu tượng 

Câu 3: Trong văn bản sau:

Vật lí40 tiết Học phần 2

Hóa học.....40 tiết Học phần 2

ta sử dụng bao nhiêu lần gõ Tab trên 1 hàng văn bản để có dấu

A. 2

C. 4

B. 3

D. Không tính được

Câu 4: Trong các kí hiệu Tab sau, kí hiệu nào là Tab canh giữa

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 5: Khi kéo kí hiệu Tab trên thước xuống khỏi thước, điều này có nghĩa là:

A. trả Tab về mặc định

C. thay đổi dạng Tab sang dạng kế tiếp

B. hủy dạng Tab tại vị trí tương ứng

D. hủy tất cả những Tab từ vị trí về trước

Câu 6: Khi muốn đặt các vị trí Tab trên vùng chọn: Sau khi chọn vị trí trong hộp thoại Tab, ta chọn loại Tab và chọn nút nào để thiết lập?

A. Chọn Clear

C. Chọn Clear All

B. Chọn Set

D. Chọn Leader

Câu 7: Khi muốn hủy tất cả các vị trí của Tab trên vùng chọn, ta thực hiện:

A. Trong hộp thoại Tab, chọn Clear

C. Trong hộp thoại Tab, chọn Clear All

B. Trong hộp thoại Tab, chọn Set

D. Chỉ có cách kéo lần lượt từng vị trí Tab khỏi thước

BÀI 8: TRANG TRÍ TRANG IN

Câu 1: Chức năng WordArt có trong Ribbon:

A. Home

B. Insert

C. View

D. Page Layout

Câu 2: Khi đưa một hình chữ nhật vào trên văn bản thì các chữ của văn bản bị che mất, thực hiện thế nào để có thể hiển thị văn bản?

A. Chọn màu trắng cho hình chữ nhật.

B. Chọn hình chữ nhật, nhấn chuột phải chọn Send to back, chọn Send behind Text.

C. Chọn hình chữ nhật, nhấn chuột phải chọn Send to back, chọn Send backward.

D. Chọn hình chữ nhật, nhấn chuột phải chọn Send to back, chọn Send to back.

Câu 3: Trong khi vẽ một đường thẳng trong AutoShape, nếu vừa vẽ vừa giữ phím Shift thì đường thẳng sẽ?

A. Nằm ngang

B. Thẳng đứng

C. Nghiêng 30^0 , 45^0 , 60^0

D. Nằm ngang, đứng nghiêng 30^0 , 45^0 , 60^0 tùy vị trí vẽ

Câu 4: Muốn chọn màu nền cho một AutoShapes, ta có thể nhấp chọn biểu tượng nào?

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 5: Muốn cho một AutoShapes có bóng, ta có thể chọn trong chức năng nào?

- A. Shape Effects
- B. Shape Outline
- C. Shape Fill
- D. Shape Color

Câu 6: Để chèn một hình ảnh có sẵn trong máy vào vị trí con nháy, ta chọn lệnh:

- A. Picture
- B. Chart
- C. Text Box
- D. Equation

Câu 7: Để chèn một hình ảnh có sẵn trong máy vào vị trí con trỏ, ta vào Tab Insert và chọn:

- A. Equation.
- B. Textbox.
- C. Picture.
- D. Chart.

Câu 8: Muốn cho một AutoShape có bóng, ta có thể chọn trong chức năng nào?

- A. Shape Effects.
- B. Shape Fill.
- C. Shape Outline
- D. Shape Color.

Câu 9: Khi đưa một hình chữ nhật vào trên văn bản thì các chữ của văn bản bị che mất, thực hiện thế nào để hiển thị văn bản?

- A. chọn màu trắng cho hình chữ nhật.
- B. chọn hình chữ nhật, nhấp chuột phải chọn Send to Back, chọn Send backward.
- C. chọn hình chữ nhật, nhấp chuột phải chọn Send to Back, chọn Send behind back.
- D. chọn hình chữ nhật, nhấp chuột phải chọn Send to Back, chọn Send behind Text.

Câu 10: Chức năng WordArt có trong Tab:

- A. Insert.
- B. View.
- C. Page Layout.
- D. Home.

Câu 11: Muốn chuyển sang trang giấy ngang trong Microsoft Word 2010 bạn làm như thế nào:

- A. Page layout - Page Setup - Orientation – Landscape.
- B. Page layout - Page borders - Format Page number – Ok.
- C. Insert - Header & Footer - Page number - Format Page number – Ok.
- D. Home - Paragraph - Line spacing - Exactly – Ok.

Câu 12: Khi cần xem trước trang in trên Word, ta chọn:

- A. Page Layout - Print Preview.
- B. File - Print Preview.
- C. Home - Print Preview.
- D. File – Print.

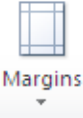
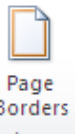
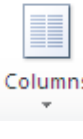
Câu 13: Trong Word, để đánh số thứ tự cho từng trang văn bản ta dùng nút lệnh?

- A.  Header
- B.  Text Box
- C.  Page Number
- D.  Footer

Câu 14: Trong Word, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. chèn chữ nghệ thuật.
- B. chèn textbox.
- C. chèn hình.
- D. chèn AutoShape.

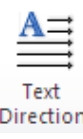
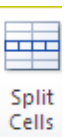
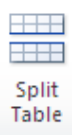
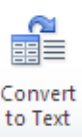
Câu 15: Trong Word, để chọn màu cho trang giấy ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout:

- A.  Margins
- B.  Page Borders
- C.  Columns
- D.  Page Color

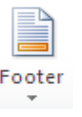
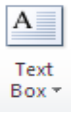
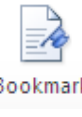
Câu 16: Trong Word, nút lệnh  dùng để làm gì?

- A. tô màu cho textbox.
- B. tô màu nền cho văn bản.
- C. tô màu cho đối tượng vẽ.
- D. tô màu chữ cho văn bản.

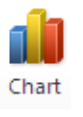
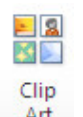
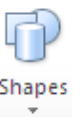
Câu 17: Trong một bảng của Word, muốn xoay chữ theo một hướng nào đó ta có thể dùng biểu tượng?

- A.  Text Direction
- B.  Split Cells
- C.  Split Table
- D.  Convert to Text

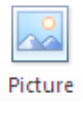
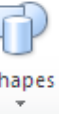
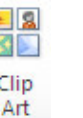
Câu 18: Trong một bảng của Word, muốn xoay chữ theo một hướng nào đó ta có thể dùng biểu tượng?

- A.  Hyperlink
- B.  Footer
- C.  Text Box
- D.  Bookmark

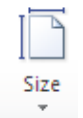
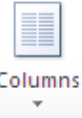
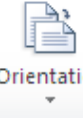
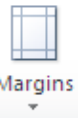
Trong word, để vẽ một hình vuông hoặc hình chữ nhật hay bất kỳ hình nào bạn dùng biểu tượng?

- E.  Chart
- F.  Picture
- G.  Clip Art
- H.  Shapes

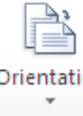
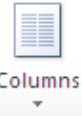
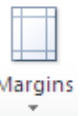
Câu 19: Trong Word, để chèn hình từ file hình ta có thể dùng biểu tượng nào bên dưới:

- A.  Picture
- B.  Shapes
- C.  Clip Art
- D.  Chart

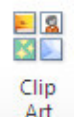
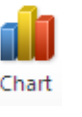
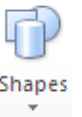
Câu 20: Trong Word, để chọn hướng cho trang giấy ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout:

- A.  Size
- B.  Columns
- C.  Orientation
- D.  Margins

Câu 21: Trong Word, để canh lề cho trang giấy ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout:

- A.  Orientation
- B.  Columns
- C.  Size
- D.  Margins

Câu 22: Trong Word, để chèn hình từ thư viện hình ta có thể dùng biểu tượng nào bên dưới:

- A.  Clip Art
- B.  Chart
- C.  Picture
- D.  Shapes

Câu 23: Trong Word, để chọn kích thước (ví dụ: khổ giấy A4) cho trang giấy ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout:

- A.  Margins ▼
- B.  Size ▼
- C.  Orientation ▼
- D.  Columns ▼

Câu 24: Trong Word, để kẻ khung (đường viền) cho trang giấy ta chọn biểu tượng nào trong Tab Page Layout:

- A.  Page Borders
- B.  Size ▼
- C.  Margins ▼
- D.  Columns ▼

ÔN TẬP CÁC BIỂU TƯỢNG TRONG WORD



Câu 1: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. View B. Insert C. Page Layout D. Home.



Câu 2: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Home B. Page Layout C. Insert D. View.



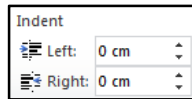
Câu 3: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout B. Home C. Insert D. View.



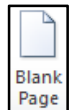
Câu 4: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout B. Home C. View D. Insert



Câu 5: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. View B. Page Layout C. Insert D. Home



Câu 6: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. View B. Page Layout C. Insert D. Home



Câu 7: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Page Layout C. Home D. View



Câu 8: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout B. View C. Home D. Insert



Câu 9: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Home C. Page Layout D. View



Câu 10: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Home B. View C. Insert D. Page Layout



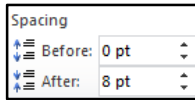
Câu 11: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Home C. View D. Page Layout.



Câu 12: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. View C. Home D. Page Layout.



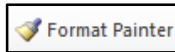
Câu 13: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. View C. Home **D. Page Layout**



Câu 14: Trong Word, biểu tượng dùng để làm gì?

- A. Tăng kích cỡ chữ.** C. Làm chữ to đầu dòng.
B. Làm chữ nghệ thuật. D. Giảm kích cỡ chữ.



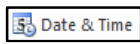
Câu 15: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. View **B. Home** C. Page Layout D. Insert.



Câu 16: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert **B. Home** C. Page Layout D. View.



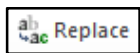
Câu 17: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. View B. Page Layout **C. Insert** D. Home



Câu 18: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Home B. Page Layout C. View **D. Insert**



Câu 19: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Home** B. Page Layout C. View D. Insert



Câu 20: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout **B. Home** C. View D. Insert



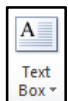
Câu 21: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. View B. Page Layout C. Home **D. Insert**



Câu 22: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert** B. Home C. View D. Page Layout



Câu 23: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert** B. Home C. Page Layout D. View



Câu 24: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Page Layout C. View **D. Home**



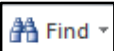
Câu 25: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. View C. Page Layout **D. Home**



Câu 26: Trong Word, biểu tượng nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Page Layout C. View **D. Home**

Câu 27: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout B. Insert C. View D. Home

Câu 28: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

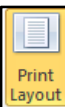
- A. Insert B. View C. Home D. Page Layout

Câu 29: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Home B. Insert C. View D. Page Layout

Câu 30: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Page Layout B. Home C. Insert D. View

Câu 31: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Home C. Page Layout D. View

Câu 32: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Home B. Insert C. View D. Page Layout

Câu 33: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Insert B. Page Layout C. Home D. View

Câu 34: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Home B. Page Layout C. View D. Insert

Câu 35: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

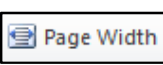
- A. Insert B. View C. Home D. Page Layout

Câu 36: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. Home B. View C. Insert D. Page Layout.

Câu 37: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

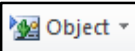
- A. Insert B. View C. Page Layout D. Home

Câu 38: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. View B. Home C. Page Layout D. Insert

Câu 39: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?

- A. View B. Home C. Page Layout D. Insert

Câu 40: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Page Layout **B. Insert** C. View D. Home

Câu 41: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. View **B. Home** C. Insert D. Page Layout

Câu 42: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Page Layout B. View **C. Home** D. Insert

Câu 43: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Insert B. Page Layout **C. Home** D. View

Câu 44: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. View B. Home **C. Insert** D. Page Layout

Câu 45: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. View B. Insert **C. Page Layout** D. Home

Câu 46: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. View B. Insert C. Home **D. Page Layout**

Câu 47: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Insert B. Page Layout C. View **D. Home**

Câu 48: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Home **B. View** C. Insert D. Page Layout

Câu 49: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Insert B. Page Layout C. Home D. View

Câu 50: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. View **B. Insert** C. Page Layout D. Home

Câu 51: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. View **B. Page Layout** C. Home D. Insert

Câu 52: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Insert B. Page Layout **C. Home** D. View

Câu 53: Trong Word, biểu tượng  nằm ở Tab nào?
A. Home B. Insert C. View **D. Page Layout**

Câu 54: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Page Layout

B. View

C. Insert

D. Home

Câu 55: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

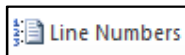
A. Home

B. View

C. Page Layout

D. Insert

Câu 56: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Insert

B. Home

C. View

D. Page Layout

Câu 57: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

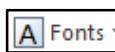
A. Home

B. View

C. Insert

D. Page Layout.

Câu 58: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

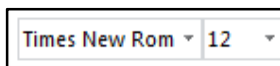
A. Insert

B. Home

C. View

D. Page Layout

Câu 59: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Insert

B. Home

C. View

D. Page Layout.

Câu 60: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Home

B. Page Layout

C. Insert

D. View

Câu 61: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Home

B. Insert

C. View

D. Page Layout

Câu 62: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Insert

B. Home

C. View

D. Page Layout

Câu 63: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Home

B. Insert

C. Page Layout

D. View

Câu 64: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. View

B. Insert

C. Page Layout

D. Home

Câu 65: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Insert

B. Home

C. View

D. Page Layout

Câu 66: Trong Word, biểu tượng



nằm ở Tab nào?

A. Home

B. Insert

C. View

D. Page Layout

